TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-ST
Ngày: 16-10-2019
V/v tranh chấp "Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khởi

2. Ông Trần Xươnne

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp: "Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Lê Thị Bích H, sinh năm 1981.

Anh Lê Quốc K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 212/2, ấp Lung Đen, xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979.

Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: số 1/1, ấp 19/5, xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị Hồng, anh K, cùng có mặt; Chị D và anh Tuấn A có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, các nguyên đơn là chị Lê Thị Bích Hồng và anh Lê Quốc K cùng trình bày:

Chị H và chồng là anh Lê Quốc K có tham gia góp hụi do vợ chồng anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị D làm đầu thảo. Cụ thể các dây hụi sau:

1/ Dây hụi tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, hụi 2.000.000 đồng, Chị Hvà anh K tham gia 06 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên: "cô Trân (thiếm Quốc)", đã đóng hụi sống được 21 kỳ/ 01 phần hụi, nếu tính cả vốn và lãi là 252.000.000 đồng (bao gồm cả 06 phần hụi).

2/ Ngày 10/02/2017 âm lịch, chị D và anh Tuấn A mở 02 dây hụi, mỗi dây hụi này gồm 43 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, Chị Hvà anh K tham gia 02 phần tương ứng của 02 dây hụi (mỗi dây hụi 01 phần), trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc". Mỗi dây hụi Chị Hvà anh K đã đóng được 17 kỳ hụi sống/ 01 phần hụi, nếu tính cả tiền vốn và lãi thì được số tiền 68.000.000 đồng/02 phần/02 dây hụi.

3/ Ngày 06/6/2016 âm lịch, chị D và anh Tuấn A mở 03 dây hụi, mỗi dây hụi này gồm 36 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, Chị Hvà anh K tham gia 03 phần tương ứng của 03 dây hụi (mỗi dây hụi 01 phần), trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc". Mỗi dây hụi tham gia, Chị Hvà anh K đã đóng được 25 kỳ hụi sống/ 01 phần hụi, nếu tính cả tiền vốn và lãi thì được số tiền 75.000.000 đồng/03 phần/03 dây hụi.

4/ Ngày 30/6/2017 âm lịch , chị D và anh Tuấn A mở 03 dây hụi, dây hụi thứ nhất và thứ ba gồm 33 phần, dây hụi thứ 2 có 32 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, Chị Hvà anh K tham gia 03 phần tương ứng của 03 dây hụi (mỗi dây hụi 01 phần), trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc". Mỗi dây hụi tham gia, Chị Hvà anh K đã đóng được 12 kỳ hụi sống/01 phần hụi, nếu tính cả tiền vốn và lãi thì được số tiền 72.000.000 đồng/ 03 phần hụi/03 dây hụi.

5/ Dây hụi tháng, mở vào ngày 25/01/2016 âm lịch, gồm 33 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, Chị Hvà anh K tham gia 01phần, trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc", đã đóng hụi sống được 29 kỳ, nếu tính cả vốn và lãi là 29.000.000 đồng.

6/ Ngày 25/02/2016 âm lịch, vợ chồng chị D, anh Tuấn A mở 02 dây hụi, Chị Hvà anh K tham gia cả 02 dây. Cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất gồm 30 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, Chị Hvà anh K tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc", đã hốt hụi xong, hiện còn nợ lại 3.000.000 đồng tiền hụi chết.

Dây hụi thứ hai gồm 31 phần, mỗi phần 1.000.000 đồng, Chị Hvà anh K tham gia 02 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc", đã đóng hụi sống được 28 kỳ/ 01 phần hụi, nếu tính cả vốn và lãi là 56.000.000 đồng/ 02 phần hụi.

Bên cạnh đó, vợ chồng chị Hồng, anh K có nhận của chị D, anh Tuấn A số tiền 57.710.000 đồng. Đây là số tiền mà vợ chồng chị D, anh Tuấn A trả một phần của dây hụi mở ngày 25/01/2016 âm lịch và dây hụi mở ngày 25/02/2016 âm lịch (dây hụi còn sống).

Nay vợ chồng chị Hồng, anh K yêu cầu số tiền hụi cụ thể như sau:

06 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đóng được 21 kỳ/01 phần hụi của dây hụi mở ngày 20/10/2016 âm lịch là: 252.000.000 đồng.

02 phần hụi sống, hụi 1.000.000 đồng, đóng được 17 kỳ/01 phần x 02 dây hụi mở ngày 10/02/2017 âm lịch là: 68.000.000 đồng.

03 phần hụi sống, hụi 1.000.000 đồng, đóng được 25 kỳ/01 phần hụi x 03 dây hụi mở ngày 06/6/2017 âm lịch là: 75.000.000 đồng.

03 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đóng được 12 kỳ/01 phần hụi x 03 dây hụi mở ngày 30/6/2017 âm lịch là: 72.000.000 đồng.

01 phần hụi sống, hụi 1.000.000 đồng, đóng được 29 kỳ hụi sống của dây hụi mở ngày 25/01/2016 âm lịch là: 29.000.000 đồng.

02 phần hụi sống, hụi 1.000.000 đồng/01 phần, đã đóng được 28 kỳ hụi sống/01 phần, dây hụi thứ hụi mở ngày 25/02/2016 âm lịch là: 56.000.000 đồng.

Cộng chung số tiền Chị Hvà anh K yêu cầu vợ chồng chị D, anh Tuấn A phải trả là **552.000.000 đồng** và đồng ý khấu trừ tiền hụi chết của dây hụi thứ nhất mở ngày 25/02/2016 âm lịch là 3.000.000 đồng tiền hụi chết, đồng ý khấu trừ số tiền mà Chị Hvà anh K đã nhận trước là **57.710.000 đồng**, cộng chung khấu trừ cho chị D, anh Tuấn A **60.710.000 đồng**.

Như vậy, chị D và anh Tuấn A phải trả cho Chị Hvà anh K **491.290.000 đồng** tiền nợ hụi còn lại.

Tại phiên Tòa, Chị Hvà anh K có ý kiến tự nguyện khấu trừ huê hồng cho chị D và anh Tuấn A với số tiền 11.200.000 đồng. Như vậy, Chị Hvà anh K chỉ yêu cầu vợ chồng chị D và anh Tuấn A thanh toán số tiền hụi còn nợ là **480.090.000 đồng.**

Các bị đơn là chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A cùng vắng mặt.

Theo Tờ tường trình ngày 13/8/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị D và anh Trần Tuấn A là vợ chồng. Chị có tổ chức làm đầu thảo hụi, chị Lê Thị Bích H và anh Lê Quốc K có tham gia góp hụi. Cụ thể các dây hụi sau:

1/ Dây hụi tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, hụi 2.000.000 đồng, vợ chồng chị H, anh K tham gia 06 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên: "cô Trân (thiếm Quốc)". Dây hụi này, vợ chồng chị Hồng, anh K đã đóng hụi sống được 21 kỳ, nếu tính tiền vốn góp hụi là 126.810.000 đồng (bao gồm cả 06 phần hụi).

2/ Ngày 10/02/2017 âm lịch, vợ chồng chị D, anh Tuấn A mở 02 dây hụi, mỗi dây hụi này gồm 43 phần, hụi 2.000.000 đồng, vợ chồng anh K, Chị Htham gia 02 phần tương ứng của 02 dây hụi (mỗi dây hụi 01 phần), trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc". Mỗi dây hụi, vợ chồng anh K, Chị H đóng được 17 kỳ hụi sống, nếu tính tiền vốn góp hụi là 33.775.000 đồng. (gồm cả 02 phần hụi/02 dây hụi).

3/ Ngày 06/6/2016 âm lịch, vợ chồng chị D, anh Tuấn A mở 03 dây hụi, mỗi dây hụi này gồm 36 phần, hụi 1.000.000 đồng, vợ chồng anh K, Chị H tham gia 03 phần tương ứng của 03 dây hụi (mỗi dây hụi 01 phần), trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc". Mỗi dây hụi, vợ chồng anh K, Chị Hđóng được 25 kỳ hụi sống, nếu tính cả tiền vốn góp hụi thì được số tiền 48.625.000 đồng. (gồm cả 03 phần hụi/03 dây hụi).

4/ Ngày 30/6/2017 âm lịch , vợ chồng chị D, anh Tuấn A mở 03 dây hụi, dây hụi thứ nhất và thứ ba gồm 33 phần, dây hụi thứ 2 có 32 phần, hụi 2.000.000 đồng, vợ chồng anh K, Chị H tham gia 03 phần tương ứng của 03 dây hụi (mỗi dây hụi 01 phần), trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc". Mỗi dây hụi, vợ chồng anh K, Chị Hđóng được 12 kỳ hụi sống, nếu tính tiền vốn góp hụi thì được số tiền 39.270.000 đồng (gồm cả 03 phần hụi/03 dây hụi).

5/ Dây hụi tháng, mở vào ngày 25/01/2016 âm lịch, gồm 33 phần, hụi 1.000.000 đồng, vợ chồng anh K, Chị H tham gia 01phần, trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc". Dây hụi này, vợ chồng anh K, Chị H đã đóng hụi sống được 29 kỳ, số tiền vốn góp hụi cụ thể bao nhiêu thì không nhớ.

6/ Ngày 25/02/2016 âm lịch, vợ chồng chị D, anh Tuấn A mở 02 dây hụi, vợ chồng anh K, Chị H tham gia cả 02 dây. Cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất gồm 30 phần, hụi 1.000.000 đồng, vợ chồng anh K, Chị Htham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc". Dây hụi này anh K và Chị H đã hốt hụi xong, hiện còn nợ lại 3.000.000 đồng tiền hụi chết.

Dây hụi thứ hai gồm 31 phần, hụi 1.000.000 đồng, vợ chồng anh K, Chị Htham gia 02 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên: "thiếm Quốc". Dây hụi này anh K, Chị H chưa hốt và đã đóng hụi sống được 28 kỳ, số tiền vốn góp hụi bao nhiêu thì không nhớ.

Số tiền 57.710.000 đồng là tiền vốn góp hụi của dây hụi mở ngày 25/01/2016 âm lịch và dây hụi mở ngày 25/02/2016 âm lịch (dây hụi còn sống). Như vậy, đối với các phần hụi mà chị H, anh K tham gia tại các dây hụi mở ngày 25/01/2016 âm lịch và dây hụi mở ngày 25/02/2016 âm lịch thì đã thanh toán xong, không còn nợ gì.

Nay chị D có ý kiến như sau:

Vợ chồng chị đồng ý trả cho chị H, anh K số tiền vốn góp hụi như sau:

06 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đóng được 21 kỳ/01 phần hụi của dây hụi mở ngày 20/10/2016 âm lịch là: 126.810.000 đồng.

02 phần hụi sống, hụi 1.000.000 đồng, đóng được 17 kỳ/01 phần x 02 dây hụi mở ngày 10/02/2017 âm lịch là: 33.775.000 đồng.

03 phần hụi sống, hụi 1.000.000 đồng, đóng được 25 kỳ/01 phần hụi x 03 dây hụi mở ngày 06/6/2017 âm lịch là: 48.625.000 đồng.

03 phần hụi sống, hụi 2.000.000 đồng, đóng được 12 kỳ/01 phần hụi x 03 dây hụi mở ngày 30/6/2017 âm lịch là: 39.270.000 đồng.

Cộng chung là 248.480.000 đồng.

Riêng 01 phần hụi sống, hụi 1.000.000 đồng, đóng được 29 kỳ hụi sống của dây hụi mở ngày 25/01/2016 âm lịch và 02 phần hụi sống, hụi 1.000.000 đồng của dây hụi thứ hai mở ngày 25/02/2016 âm lịch, đã đóng được 28 kỳ hụi sống/01 phần, vợ chồng chị D, anh Tuấn A đã trả cho vợ chồng chị H, anh K số tiền vốn là 57.710.000 đồng, xem như xong.

Ngoài ra, vợ chồng Chị H và anh K còn nợ vợ chồng chị D, anh Tuấn A 3.000.000 đồng tiền hụi chết của dây hụi thứ nhất mở ngày 25/02/2016 âm lịch, đến nay chưa thanh toán.

Như vậy, vợ chồng chị D, anh Tuấn A chỉ còn nợ tiền vốn góp hụi của vợ chồng anh K, Chị Hlà 248.480.000 đồng, nếu cấn trừ 3.000.000 đồng tiền hụi chết nêu trên thì còn lại 245.480.000 đồng. Chị D, anh Tuấn A đồng ý trả cho chị Hồng, anh K số tiền **245.480.000 đồng**.

Theo bản tự khai ngày 13/8/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Trần Tuấn A trình bày:

Anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị D là vợ chồng. Anh thống nhất theo ý kiến của chị D đã trình bày về số tiền nợ hụi của chị Hồng. Anh Trần Tuấn A cũng đồng ý thanh toán cho chị Trần Thị Hồng số tiền hụi còn nợ là **245.480.000 đồng**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích Hồng và anh Lê Quốc K là có căn cứ. Bởi lẽ, giữa chị Lê Thị Bích H và anh Lê Quốc K cùng vợ chồng chị Nguyễn Thị D, anh Trần Tuấn A có thỏa thuận góp hụi, đồng thời, chị D và anh Tuấn A cũng thừa nhận chị Lê Thị Bích H và anh Lê Quốc K đã góp số kỳ (lần) hụi sống theo như lời trình bày của Chị Hvà anh K. Cho nên, đề

nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích Hồng và anh Lê Quốc K.

Tại phiên Tòa, Chị H và anh K đồng ý khấu trừ 11.200.000 đồng tiền huê hồng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt và tự nguyện của đương sự, có lợi cho chị D và anh Tuấn A nên đề nghị Hội đồng xét sử ghi nhận ý kiến này của anh K và chị Hồng.

Như vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị Hvà anh K đòi chị D và anh Tuấn A trả 480.090.000 đồng tiền nợ hụi.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích Hồng và anh Lê Quốc K nên các ý kiến của chị D và anh Tuấn A về việc xin trả tiền vốn góp hụi là không có căn cứ để xem xét chấp nhận

Về án phí, chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đánh giá chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đều thừa nhận có tổ chức góp hụi tại các dây hụi sau:

+ Dây hụi tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, hụi 2.000.000 đồng, các nguyên đơn tham gia 06 phần, trong danh sách hụi viên ghi tên: "cô Trân (thiếm Quốc)", đã đóng hụi sống được 21 kỳ/01 phần hụi.

+ 02 dây hụi mở ngày 10/02/2017 âm lịch, gồm 43 phần/01 dây, hụi 2.000.000 đồng, các nguyên đơn tham gia 02 phần tương ứng của 02 dây hụi (mỗi dây hụi 01 phần), đã đóng được 17 kỳ hụi sống/01 phần hụi/01 dây hụi.

+ 03 dây hụi mở ngày 06/6/2016 âm lịch, gồm 36 phần/ 01 dây, hụi 1.000.000 đồng, các nguyên đơn tham gia 03 phần tương ứng của 03 dây hụi (mỗi dây hụi 01 phần), đã đóng được 25 kỳ hụi sống/01 phần hụi/01 dây hụi.

+ 03 dây hụi mở ngày 30/6/2017 âm lịch, dây hụi thứ nhất và thứ ba gồm 33 phần, dây hụi thứ 2 có 32 phần, hụi 2.000.000 đồng, các nguyên đơn tham gia 03 phần tương ứng của 03 dây hụi (mỗi dây hụi 01 phần), đã đóng được 12 kỳ hụi sống/01 phần hụi/01 dây hụi.

+ Dây hụi tháng, mở vào ngày 25/01/2016 âm lịch, gồm 33 phần, hụi 1.000.000 đồng, các nguyên đơn tham gia 01 phần, đã đóng hụi sống được 29 kỳ.

+ Dây hụi mở ngày 25/02/2016 âm lịch, gồm 31 phần, hụi 1.000.000 đồng, các nguyên đơn tham gia 02 phần và đã đóng hụi sống được 28 kỳ/01 phần hụi.

Bên cạnh đó, các bị đơn cũng thừa nhận và nguyên đơn cũng thống nhất còn nợ các bị đơn tiền hụi chết của dây hụi sau:

+ Dây hụi mở ngày 25/02/2016 âm lịch, gồm 30 phần, hụi 1.000.000 đồng, các nguyên đơn tham gia 01 phần, đã hốt hụi xong, hiện còn nợ lại 3.000.000 đồng tiền hụi chết.

Ngoài ra, các nguyên đơn cũng thừa nhận có nhận của các bị đơn số tiền 57.710.000 đồng, vấn đề này các bị đơn cũng thống nhất.

Xét thấy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các nguyên đơn:

Tại phiên Tòa, các nguyên đơn có ý kiến tự nguyện khấu trừ tiếp cho các bị đơn 11.200.000 đồng tiền huê hồng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho các bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán số tiền hụi còn nợ của các dây hụi sau:

+ Dây hụi tháng, mở vào ngày 20/10/2016 âm lịch, gồm 50 phần, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng hụi sống được 21 kỳ/01 phần x 06 phần, với số tiền là 252.000.000 đồng.

+ 02 dây hụi mở ngày 10/02/2017 âm lịch, gồm 43 phần/01 dây, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 17 kỳ hụi sống/01 dây x 02 dây, với số tiền là 68.000.000 đồng.

+ 03 dây hụi mở ngày 06/6/2016 âm lịch, gồm 36 phần/01 dây, hụi 1.000.000 đồng, đã đóng được 25 kỳ hụi sống/01 dây x 03 dây, với số tiền là 75.000.000 đồng.

+ 03 dây hụi mở ngày 30/6/2017 âm lịch, dây hụi thứ nhất và thứ ba gồm 33 phần, dây hụi thứ 2 có 32 phần, hụi 2.000.000 đồng, đã đóng được 12 kỳ hụi sống/01 dây x 03 dây, với số tiền là 72.000.000 đồng

+ Dây hụi tháng, mở vào ngày 25/01/2016 âm lịch, gồm 33 phần, hụi 1.000.000 đồng, đã đóng hụi sống được 29 kỳ, với số tiền là 29.000.000 đồng.

+ Dây hụi mở ngày 25/02/2016 âm lịch, gồm 31 phần, hụi 1.000.000 đồng, đã đóng hụi sống được 28 kỳ/01 phần x 02 phần, với số tiền là 56.000.000 đồng.

Cộng chung là **552.000.000 đồng.**

Do các nguyên đơn có nhận của các bị đơn 57.710.000 đồng và còn nợ lại 3.000.000 đồng tiền hụi chết và tại phiên Tòa, các nguyên đơn tự nguyện khấu trừ thêm 11.200.000 đồng tiền huê hồng cho các bị đơn, cộng chung là **71.910.000 đồng**, chỉ yêu cầu các bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại là **480.090.000 đồng.**

Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hụi với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng, tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Tuy nhiên, hiện nay dây hụi mà nguyên đơn tham gia do các bị đơn là đầu thảo đã ngưng hoạt động, nhưng các bị đơn vẫn tiếp tục góp hụi chết của các thành viên khác cũng như khấu trừ cả tiền vốn và lãi đối với những phần hụi chết mà các nguyên đơn còn nợ nhưng lại không thanh toán cho các nguyên đơn số tiền vốn và lãi góp hụi là không phù hợp với quy định của

pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu của các nguyên đơn đòi các bị đơn phải thanh toán số tiền hụi còn nợ là **480.090.000 đồng** là chính đáng và có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với ý kiến của các bị đơn chỉ đồng ý trả cho các nguyên đơn số tiền vốn góp hụi cộng chung là **245.480.000 đồng** (sau khi đã khấu trừ **3.000.000 đồng** tiền hụi chết mà các nguyên đơn còn nợ), vấn đề này các nguyên đơn không đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến này của các bị đơn.

Về ý kiến của các bị đơn cho rằng số tiền 57.710.000 đồng mà các nguyên đơn nhận của các bị đơn là để thanh toán toàn bộ tiền nợ của dây hụi mở ngày 25/01/2016 âm lịch và 02 phần hụi của dây hụi mở ngày 25/02/2016 âm lịch. Xét thấy, do các nguyên đơn không thừa nhận, đồng thời, các bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh lời khai của mình là có căn cứ. Cho nên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến này của các bị đơn.

Tại phiên Tòa, các nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện trả tiền hụi. Xét thấy, việc các nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh là có lợi cho các bị đơn, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không có căn cứ đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí DSST:

Các nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, các bị đơn được Hội đồng xét xử xem xét giảm 50% đối với phần tiền án phí phải chịu do có đơn xin miễn giảm án phí vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Kế An.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1, Điều 227, khoản 1, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Bích H và anh Lê Quốc K. Buộc chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho chị Lê Thị Bích Hvà anh Lê Quốc K **480.090.000 đồng. (Bốn trăm tám mươi triệu không trăm chín mươi ngàn đồng)** tiền nợ hụi.

[2] Về án phí:

Chị Lê Thị Bích H và anh Lê Quốc K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **11.886.000 đồng (mười một triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0008692 ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tuấn A phải cùng chịu **11.601.800 đồng (mười một triệu sáu trăm lẻ một ngàn tám trăm đồng)** tiền án phí dân sự sơ thẩm. (đã giảm 50% theo quy định của pháp luật).

Án xử công khai, chị Lê Thị Bích H và anh Lê Quốc K có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án. Anh Trần Tuấn A, chị Nguyễn Thị D không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án do có đơn xin xét xử vắng mặt.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Duy